

Số: 3102/KH-UBND

Vạn Ninh, ngày 29 tháng 8 năm 2023

KẾ HOẠCH

Thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định thu nhập hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2023 trên địa bàn huyện Vạn Ninh

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 (sau đây gọi tắt là *Nghị định 07/2021/NĐ-CP*); Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025 (sau đây gọi tắt là *Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg*); Văn bản hợp nhất số 1315/VBHN-BLĐTBXH ngày 13/4/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về Thông tư hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025 và mẫu biểu báo cáo;

Căn cứ Kế hoạch số 8273/KH-UBND ngày 16/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2023 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;

Căn cứ Kế hoạch số 83/KH-SLĐTBXH ngày 23/8/2023 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Khánh Hòa về việc triển khai rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2023 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;

Căn cứ Quyết định số 1951/QĐ-UBND ngày 22/7/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Vạn Ninh về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo huyện Vạn Ninh giai đoạn 2021 - 2025 (sau đây gọi tắt là *Ban Chỉ đạo huyện*);

Ủy ban nhân dân huyện Vạn Ninh ban hành Kế hoạch thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2023 trên địa bàn huyện Vạn Ninh (sau đây gọi tắt là *cuộc rà soát*), cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích:

Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện nhằm xác định, lập danh sách, phân loại chính xác, đầy đủ số liệu, thông tin cơ bản về hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều để có cơ sở xây dựng kế hoạch, giải pháp giảm nghèo và thực hiện các chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội trong năm 2024.

2. Yêu cầu:

a) Việc rà soát, xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo phải có sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của cấp ủy, chính quyền, sự tham gia của các cấp hội, đoàn thể và của người dân;

b) Việc rà soát phải thực hiện theo đúng quy trình, hướng dẫn quy định tại Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg; Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH, Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH và đúng tiến độ về thời gian; đảm bảo tính chính xác theo nguyên tắc công khai, minh bạch, công bằng, dân chủ;

c) Lực lượng rà soát viên là người nắm rõ, thông thạo tình hình dân cư tại địa bàn, trực tiếp đến từng hộ gia đình để quan sát, khảo sát, thu thập thông tin của hộ gia đình;

d) Kết quả rà soát phải phản ánh đúng thực tế tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và thực trạng đời sống của nhân dân; tránh tình trạng chạy theo chỉ tiêu, thành tích làm sai lệch thực trạng nghèo của địa phương.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Phạm vi điều chỉnh:

Thực hiện tại 13 xã, thị trấn trên địa bàn huyện.

- Khu vực thành thị: Thị trấn Vạn Giã.
- Khu vực nông thôn: 12 xã trên địa bàn huyện.

2. Đối tượng áp dụng:

- Rà soát toàn bộ hộ gia đình nằm trong danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo theo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm 2022 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025, do Ủy ban nhân dân xã, thị trấn đang quản lý và những hộ có khả năng phát sinh nghèo, cận nghèo tại thời điểm rà soát đang sinh sống tại xã, thị trấn trên địa bàn huyện.

- Các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân tham gia công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình.

III. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Tiêu chí rà soát:

1.1 Các tiêu chí đo lường nghèo đa chiều

a) Tiêu chí thu nhập

- Khu vực nông thôn: 1.500.000 đồng/người/tháng.
- Khu vực thành thị: 2.000.000 đồng/người/tháng.

b) Tiêu chí mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản

- Các dịch vụ xã hội cơ bản (06 dịch vụ), gồm: Việc làm, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, thông tin.

- Các chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản (12 chỉ số), gồm: (1) Việc làm, (2) người phụ thuộc trong hộ gia đình, (3) dinh dưỡng, (4) bảo hiểm y tế, (5) trình độ giáo dục của người lớn, (6) tình trạng đi học của trẻ em, (7) chất lượng nhà ở, (8) diện tích nhà ở bình quân đầu người, (9) nguồn nước sinh hoạt, (10) nhà tiêu hợp vệ sinh, (11) sử dụng dịch vụ viễn thông, (12) phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin.

1.2. Chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025

a) Chuẩn hộ nghèo

- Khu vực nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

- Khu vực thành thị: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 2.000.000 đồng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

b) Chuẩn hộ cận nghèo

- Khu vực nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng trở xuống và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

- Khu vực thành thị: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 2.000.000 đồng trở xuống và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

c) Chuẩn hộ có mức sống trung bình

- Khu vực nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 1.500.000 đồng đến 2.250.000 đồng.

- Khu vực thành thị: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.

2. Phương pháp rà soát:

a) Phương pháp rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo là phương pháp khảo sát thu thập thông tin của hộ gia đình để ước lượng thu nhập và xác định mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo, hộ cận nghèo bảo đảm phù hợp với chuẩn nghèo theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 07/2021/NĐ-CP.

b) Phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH, Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH;

c) Phương pháp xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình là phương pháp xác định thu nhập của hộ gia đình trong vòng 12 tháng trước thời điểm rà soát, không tính khoản trợ cấp hoặc trợ giúp xã hội từ ngân sách nhà nước vào thu nhập của hộ gia đình.

d) Rà soát viên trực tiếp đến từng hộ gia đình để thu thập thông tin.

3. Biểu mẫu rà soát:

Các biểu mẫu điều tra rà soát được xây dựng trên cơ sở biểu mẫu của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, gồm:

- Mẫu Giấy đề nghị rà soát - Phiếu A1.

- Mẫu Phiếu nhận dạng nhanh hộ gia đình - Phiếu A.

- Mẫu Phiếu Thông tin chung về hộ gia đình - Phiếu B.

- Mẫu Phiếu Khảo sát thông tin về mức thu nhập của hộ gia đình - Phiếu B1;

- Mẫu Phiếu Khảo sát thông tin về các nhu cầu xã hội cơ bản của hộ gia đình - Phiếu B2.

- Mẫu Phiếu khảo sát, xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình.

- Các bảng tổng hợp, phụ lục báo cáo.

4. Quy trình rà soát:

Thực hiện theo Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg; Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH và Thông tư 02/2022/TT-BLĐTBXH.

5. Thời gian và tiến độ thực hiện:

5.1. Thời gian rà soát: Từ ngày 01/9/2023 đến hết ngày 15/12/2023

5.2 Tiến độ thực hiện

STT	Thời gian	Nội dung hoạt động	Cơ quan, đơn vị thực hiện
1	Từ ngày 01/9/2023 đến ngày 10/9/2023	- Ban hành Kế hoạch chi tiết về rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn. - Kiện toàn Ban chỉ đạo rà soát hộ nghèo, cận nghèo cấp huyện theo quy định tại Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ. - Tổ chức hội nghị triển khai kế hoạch và tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cho cấp xã và điều tra viên, giám sát viên.	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội tham mưu UBND huyện
2	Từ ngày 11/9/2023 đến ngày 27/11/2023	- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến; triển khai kế hoạch rà soát về thôn, tổ dân phố. - Ban Chỉ đạo cấp xã tiến hành rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo đúng quy định hướng dẫn về phương pháp, quy trình và bộ công cụ rà soát. - Tổng hợp kết quả rà soát sơ bộ và báo cáo Ban chỉ đạo huyện trước ngày 27/10/2023. - Tổng hợp kết quả rà soát chính thức và báo cáo Ban chỉ đạo huyện trước ngày 27/11/2023.	UBND các xã thị trấn
3	Từ ngày 27/11/2023 đến ngày 07/12/2023	- Thẩm định kết quả rà soát do cấp xã báo cáo. - Tổng hợp, tham mưu UBND huyện báo cáo kết quả sơ bộ cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trước ngày 07/11/2023;	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội

		- Tổng hợp, tham mưu UBND huyện báo cáo kết quả chính thức và các biểu mẫu báo cáo theo quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH và Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trước ngày 07/12/2023 .	
4	Từ ngày 11/9/2023 đến 15/12/2023	Giám sát quá trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo được Ban Chỉ đạo các cấp phối hợp thực hiện từ khâu lập danh sách đối tượng cần rà soát đến việc thực hiện rà soát, công bố, ra quyết định công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn.	- UBND huyện; Ban chỉ đạo huyện. - UBND các xã, thị trấn; Ban chỉ đạo Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cấp xã.

6. Kiểm tra, giám sát công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo:

Ủy ban nhân dân huyện phân công Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo huyện hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, thẩm định kết quả rà soát hộ nghèo của các xã, thị trấn; chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã, thị trấn phân công Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cấp xã hướng dẫn, kiểm tra, giám sát tại cơ sở.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nội dung chi:

1.1. Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội

- + Chi tập huấn Ban Chỉ đạo cấp xã, trưởng thôn/tổ dân phố, rà soát viên.
- + Chi tuyên truyền về nội dung, kế hoạch rà soát trên địa bàn huyện.
- + Chi nghiệm thu kết quả rà soát.
- + Chi kiểm tra, giám sát.
- + Chi tổng hợp báo cáo cấp huyện.
- + Chi khác: Văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, làm thêm ngoài giờ...

1.2 UBND các xã, thị trấn

- + Chi trả công ghi phiếu rà soát, làm sạch và hoàn thiện phiếu, nhập dữ liệu quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo.
- + Chi cập nhật thông tin dữ liệu.
- + Chi tổng hợp báo cáo cấp xã.
- + Chi khác: Văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, làm thêm ngoài giờ...

2. Định mức chi:

Thực hiện theo định mức chi của cuộc tổng điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình theo chuẩn nghèo giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa hằng năm (cụ thể tại bảng Dự toán kinh phí kèm theo Kế hoạch số 9699/KH-UBND ngày 30/9/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa).

3. Nguồn kinh phí:

Kinh phí thực hiện Kế hoạch là 156.953.600 đồng (*Một trăm năm mươi sáu triệu, chín trăm năm mươi ba nghìn, sáu trăm đồng*) do ngân sách nhà nước đảm bảo theo phân cấp quản lý ngân sách.

(*Chi tiết theo Biểu đính kèm*)

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội:

a) Tham mưu UBND huyện kiện toàn Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo huyện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 10 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

Là cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện:

- Xây dựng kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2023 trên địa bàn.

- Tổ chức tập huấn quy trình và bộ công cụ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình cho cấp huyện, cấp xã và rà soát viên trên địa bàn.

- Chủ trì và phối hợp với các thành viên Ban chỉ đạo huyện tổ chức hướng dẫn các địa phương triển khai Kế hoạch rà soát theo quy trình và biểu mẫu đúng quy định; cung cấp Tài liệu hướng dẫn cho điều tra viên, giám sát viên các ngành, các cấp tham gia rà soát trên địa bàn toàn huyện; tiếp nhận biểu mẫu rà soát và cấp phát các địa phương bảo đảm thực hiện đúng tiến độ kế hoạch rà soát.

- Chỉ đạo tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn; theo dõi, kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc thực hiện; tham mưu Ban chỉ đạo huyện xây dựng kế hoạch kiểm tra, phúc tra, giám sát kết quả rà soát.

- Phối hợp cùng với các cơ quan, ban ngành, đoàn thể, địa phương tuyên truyền cho các ngành, các cấp và người dân biết và hiểu về chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025 theo quy định mới của Chính phủ; ý nghĩa, mục đích, yêu cầu của cuộc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2023, hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình.

b) Trên cơ sở nguồn kinh phí được UBND huyện giao, tập trung triển khai thực hiện Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2023 trên địa bàn huyện.

c) Tham mưu UBND huyện:

- Chỉ đạo Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn.

- Có ý kiến về báo cáo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn; tổng hợp, phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại Điều 7 Quyết định 24/2021/QĐ-TTg.

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn lập danh sách bảo hiểm y tế cho các đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo thuộc địa bàn quản lý theo quy định.

- Chỉ đạo các địa phương cập nhật kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo vào các file dữ liệu quản lý theo hướng dẫn tại Công văn số 2752/LĐTBXH-VPQGGN ngày 19/7/2023 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong việc rà soát, quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có mức sống trung bình trên địa bàn làm cơ sở thực hiện các chính sách an sinh xã hội và đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu giảm nghèo hàng năm.

- Thực hiện các báo cáo theo quy định tại kế hoạch này.

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch:

Trên cơ sở xây dựng dự toán kinh phí thực hiện Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ có mức sống trung bình năm 2023 của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội; Phòng Tài chính - Kế hoạch tổng hợp, tham mưu UBND huyện cấp kinh phí và chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn thực hiện và thanh, quyết toán kinh phí theo quy định.

3. Chi cục Thống kê Vạn Ninh:

Phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội trong quá trình kiểm tra, giám sát, tổng hợp kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo của các xã, thị trấn về số hộ dân cư, số nhân khẩu trên địa bàn.

4. Phòng Văn hóa và Thông tin; Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao; Ban Biên tập Cổng Thông tin điện tử huyện:

- Phòng Văn hóa và Thông tin chủ trì, phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao; Ban Biên tập Cổng Thông tin điện tử huyện, các cơ quan liên quan đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về vai trò, trách nhiệm của các cấp ủy, chính quyền và của người dân về tầm quan trọng, mục đích, ý nghĩa của công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2023 trên địa bàn huyện.

- Phòng Văn hóa và Thông tin chủ trì, phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội trong việc xây dựng, triển khai thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong rà soát, quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có mức sống trung bình trên địa bàn huyện.

5. Phòng Y tế:

Chủ trì, phối hợp với Phòng Kinh tế, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội trong việc hướng dẫn các địa phương xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình; tổng hợp, báo cáo về hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình theo quy định.

6. Công an huyện:

a) Chỉ đạo Công an các xã, thị trấn phối hợp với Công chức Văn hóa - Xã hội phụ trách Lao động - Thương binh và Xã hội cung cấp các thông tin, số liệu liên quan đến số hộ dân cư, số nhân khẩu của các địa phương tại thời điểm rà

soát để làm cơ sở tính tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo và phục vụ xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu sau rà soát.

b) Phối hợp, hỗ trợ xác thực thông tin hộ gia đình được rà soát với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để đảm bảo thông tin thu thập, rà soát được chính xác, đầy đủ trước khi trình cấp thẩm quyền phê duyệt, công bố.

7. Phòng Kinh tế; Phòng Quản lý đô thị; Văn phòng HĐND và UBND; Bảo hiểm xã hội Vạn Ninh; Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Vạn Ninh.

a) Phòng Kinh tế huyện chủ động phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp tình hình tỷ lệ hộ nghèo, tỷ lệ nghèo đa chiều của các xã phục vụ Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

b) Phòng Quản lý đô thị huyện chủ động phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội để khảo sát, tổng hợp nhu cầu hỗ trợ nhà ở của hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện.

c) Văn phòng HĐND và UBND huyện chủ động phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp số liệu và danh sách đồng bào dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo và số liệu phục vụ Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

d) Bảo hiểm xã hội huyện chủ động phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cập nhật, hướng dẫn các địa phương triển khai lập danh sách bảo hiểm y tế hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định.

đ) Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện chủ động phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội để kết hợp khảo sát, tổng hợp nhu cầu vay vốn và hỗ trợ vốn vay cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

8. Các thành viên Ban Chỉ đạo huyện: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được phân công chủ động tham mưu, chỉ đạo các địa phương tổ chức thực hiện kế hoạch; đồng thời theo dõi, giám sát việc thực hiện rà soát theo nhiệm vụ được phân công.

9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện: Chủ trì, chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban MTTQ các xã, thị trấn tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giám sát việc thực hiện quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2023 và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình.

10. Đề nghị các hội, đoàn thể (Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện, Hội Nông dân huyện, Hội Cựu chiến binh huyện và Huyện đoàn): Chủ động, phối hợp với các phòng, ban, ngành, UBND các xã, thị trấn tuyên truyền, vận động Nhân dân và các hội viên, đoàn viên tham gia thực hiện tốt và giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2023 trên địa bàn huyện.

11. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn:

- Kiện toàn Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cấp xã theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 10 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo các xã, thị trấn giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn:

+ Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2023 trên địa bàn.

+ Phổ biến, tuyên truyền mục đích, ý nghĩa, yêu cầu của công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2023 và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình trên các phương tiện truyền thông; chủ động phát hiện hộ gia đình gặp khó khăn, biến cố rủi ro trong năm để hướng dẫn hộ gia đình đăng ký rà soát.

+ Tổ chức lực lượng rà soát viên thực hiện công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn.

+ Tổ chức thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2023 và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn theo quy định.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo; danh sách hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo và cấp Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện về kết quả rà soát nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trên địa bàn theo quy định tại Điều 7 Quyết định 24/2021/QĐ-TTg và thực hiện các báo cáo theo quy định tại kế hoạch này.

- Tổ chức xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình khi nhận được giấy đề nghị của hộ gia đình.

- Lập danh sách bảo hiểm y tế cho các đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo thuộc địa bàn quản lý theo quy định.

- Cập nhật kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo vào các file dữ liệu quản lý theo hướng dẫn tại Công văn số 2752/LĐTBXH-VPQGGN ngày 19/7/2023 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội; Ứng dụng công nghệ thông tin trong việc rà soát, quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có mức sống trung bình trên địa bàn.

VI. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

1. Căn cứ nội dung tại Kế hoạch này, các cơ quan, đơn vị liên quan; Chủ tịch UBND các xã, thị trấn căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình khẩn trương triển khai các nội dung liên quan và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

2. Ban chỉ đạo rà soát cấp xã gửi cáo báo cáo nhanh kết quả việc thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2023 trên địa bàn về Phòng Lao

động - Thương binh và Xã hội **trước ngày 27/10/2023**; báo cáo chính thức **trước ngày 27/11/2023**.

3. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan có trách nhiệm đôn đốc và báo cáo Chủ tịch UBND huyện về tình hình, triển khai thực hiện kế hoạch này; tổng hợp, tham mưu UBND huyện báo cáo kết quả về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định thu nhập hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2023 trên địa bàn huyện Vạn Ninh. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, phát sinh, các đơn vị phản ánh kịp thời về Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội (*Cơ quan thường trực Ban chỉ đạo huyện*) để tổng hợp báo cáo UBND huyện xem xét, chỉ đạo giải quyết./.

(*Đính kèm theo Kế hoạch số 8273/KH-UBND ngày 16/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa; Kế hoạch số 83/KH-SLĐTBXH ngày 23/8/2023 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Khánh Hòa; Công văn số 2752/LĐTBXH-VPQGGN ngày 19/7/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các biểu mẫu, phụ lục*)

Nơi nhận (VBĐT):

- Sở Lao động - Thương binh và XH;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- UBNDTTQVN huyện
- Các đoàn thể huyện;
- Các thành viên Ban Chỉ đạo huyện;
- Các phòng, ban, ngành liên quan tại mục V;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, LĐTBXH

(B/c)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH


Trần Ngọc Khiêm

BẢNG TỔNG HỢP DỰ KIẾN KINH PHÍ THỰC HIỆN RÀ SOÁT HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHỀ VÀ XÁC ĐỊNH HỘ LÀM NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP,
NGƯ NGHIỆP, ĐIỂM NGHIỆP CÓ MỨC SỐNG TRUNG BÌNH NĂM 2023
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /8/2023 của UBND huyện Vạn Ninh)

Số TT	Diễn giải	Đơn vị tính	Số lượng/Kinh phí thực hiện	Trong đó										Vạn Lương	Vạn Già	Vạn Phú	Vạn Bình	Vạn Thắng	Vạn Khánh	Vạn Long	Vạn Phước	Vạn Thọ	Đội Lãnh	Vạn Thạnh	Cấp huyện	Xã	Vạn Sơn
				Vạn	Vạn	Vạn	Vạn	Vạn	Vạn	Vạn	Vạn	Vạn	Vạn														
A	THỐNG TIN CHUNG																										
1	Số xã phường, thị trấn		13																								
2	Số thôn, tổ dân phố		78	6	6	3	5	4	6	8	6	13	5	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	4
3	Số hộ																										
3.1	Tổng số hộ dân	Hộ	38.466	1.728	3.018	1.461	2.565	2.361	2.275	4.933	2.722	4.984	4.169	3.342													1.266
3.2	Hộ dự kiến đưa vào tổng rà soát	Hộ	2.951	330	158	134	90	150	184	271	133	515	439	191													133
-	Hộ nghèo (tính đến 20/8/2023)	Hộ	576	80	23	14	38	33	56	69	29	65	58	40													28
-	Hộ cận nghèo (tính đến 20/8/2023)	Hộ	2.177	236	120	95	46	112	110	192	95	438	351	124													97
-	Hộ dự kiến có giấy dễ nghị rà soát	Hộ	198	14	15	25	6	5	18	10	9	12	30	27													8
3.3	Hộ nghèo cuối năm 2023	Hộ	467	62	15	10	33	29	46	64	25	47	46	35													21
3.4	Hộ cận hộ nghèo cuối năm 2023	Hộ	1.888	223	97	84	27	94	93	155	74	401	320	99													87
5	Số phiếu rà soát																										
	Giấy dễ nghị rà soát (Phiếu A1)	Phiếu	198	14	15	25	6	5	18	10	9	12	30	27													8
	Phiếu nhận dạng nhanh hộ gia đình (Phiếu A)	Phiếu	78	6	6	3	5	4	6	8	7	12	5	6													4
	Phiếu Thông tin chung về hộ gia đình (Phiếu B)	Phiếu	2.951	330	158	134	90	150	184	271	133	515	439	191													133
	Phiếu Khảo sát thông tin về mức thu nhập của hộ gia đình và khảo sát thông tin về các nhu cầu xã hội cơ bản của hộ gia đình - Phiếu B1 +B2	Phiếu	2.951	330	158	134	90	150	184	271	133	515	439	191													133
	Bảng Tổng hợp Phiếu B1 và Phiếu B2	Phiếu	78	6	6	3	5	4	6	8	6	13	5	6													4
	Bảng Tổng hợp Danh sách dễ nghị cấp thẻ BHYT năm 2022	Phiếu	78	6	6	3	5	4	6	8	6	13	5	6													4
B	NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐIỀU TRA	Đồng	156.953.600	9.621.600	5.075.800	4.054.900	3.221.500	4.681.400	5.767.200	8.307.200	4.507.900	15.337.200	12.220.100	5.892.000													4.242.600
1	Chi tuyến truyền về nội dung, kế hoạch thực hiện rà soát trên địa bàn toàn huyện (in bằng rôn tuyến truyền cho 13 xã thị trấn)	Đồng	15.600.000																								
2	Chi tổ chức tập huấn cho ban chỉ đạo cấp huyện, cấp xã, điều tra viên (01 ngày) (Kèm theo dự kiến số lượng)	Đồng	17.000.000																								

ngp

Số TT	Diễn giải	Đơn vị tính	Số lượng/Kinh phí thực hiện	Trong đó														
				Cấp huyện	Vạn Thạnh	Đại Lãnh	Vạn Thọ	Vạn Phước	Vạn Long	Vạn Khánh	Vạn Thắng	Vạn Bình	Vạn Phú	Vạn Giã	Vạn Lương	Vạn Hưng	Xuân Sơn	
3	Chi thực hiện rà soát	Đồng	69.160.000	0	7.380.000	3.940.000	3.070.000	2.450.000	3.520.000	4.460.000	6.460.000	3.470.000	5.240.000	11.960.000	9.430.000	4.600.000	3.180.000	
	Công ghi Phiếu nhận dạng nhanh hộ gia đình (Phiếu A): 30.000 đ/phiếu/thôn	Đồng	2.340.000	0	180.000	180.000	90.000	150.000	120.000	180.000	240.000	210.000	180.000	360.000	150.000	180.000	120.000	
	Công ghi Phiếu thông tin chung về hộ gia đình (Phiếu B): 10.000 đ/phiếu	Đồng	29.510.000	0	3.300.000	1.580.000	1.340.000	900.000	1.500.000	1.840.000	2.710.000	1.330.000	2.230.000	5.150.000	4.390.000	1.910.000	1.330.000	
	Công ghi Phiếu Khảo sát thông tin về mức thu nhập của hộ gia đình và khảo sát thông tin về các nhu cầu xã hội cơ bản của hộ gia đình - Phiếu B1 +B2: 10.000đ/phiếu	Đồng	29.510.000	0	3.300.000	1.580.000	1.340.000	900.000	1.500.000	1.840.000	2.710.000	1.330.000	2.230.000	5.150.000	4.390.000	1.910.000	1.330.000	
	Công ghi Bảng tổng hợp phiếu B1 + B2: 100.000đ/bảng/thôn	Đồng	7.800.000	0	600.000	600.000	300.000	500.000	400.000	600.000	800.000	600.000	600.000	1.300.000	500.000	600.000	400.000	
4	Nghiệm thu phiếu, làm sạch phiếu và cấp nhật Thông tin quản lý dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo	Đồng	21.293.600	4.677.400	1.941.600	835.800	684.900	471.500	861.400	1.007.200	1.547.200	737.900	1.206.800	3.077.200	2.490.100	992.000	762.600	
4.1	Làm sạch và hoàn thiện phiếu rà soát (cấp huyện): mức khoán = 7% mức công ghi phiếu	Đồng	4.841.200	0	516.600	275.800	214.900	171.500	246.400	312.200	452.200	242.900	366.800	837.200	660.100	322.000	222.600	
4.2	Cập nhật Thông tin dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo: mức chi 5.000 đ/phiếu/hộ	Đồng	11.775.000	0	1.425.000	560.000	470.000	300.000	615.000	695.000	1.095.000	495.000	840.000	2.240.000	1.830.000	670.000	540.000	
4.3	Nghiệm thu phiếu rà soát(cấp huyện)	Đồng	4.677.400	4.677.400														
	Nghiệm thu Phiếu B 700 đồng/phiếu	Đồng	2.065.700	2.065.700														
	Nghiệm thu Phiếu B1 +B2 7.000 đồng/phiếu	Đồng	2.065.700	2.065.700														
	Nghiệm thu Bảng tổng hợp B1+ B2 700 đồng/bảng/thôn	Đồng	546.000	546.000														
5	Chi kiểm tra, giám sát rà soát tại các địa phương	Đồng	19.500.000	19.500.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
5.1	Chi công tác giám sát tại địa phương (cấp huyện thực hiện): Mức khoán: 500.000 đ/huyện/xã x 2 đợt)	Đồng	13.000.000	13.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	

Số TT	Diễn giải	Đơn vị tính	Số lượng/Kinh phí thực hiện	Trong đó													
				Cấp huyện	Vạn Thạnh	Đại Lãnh	Vạn Thọ	Vạn Phước	Vạn Long	Vạn Khánh	Vạn Thắng	Vạn Bình	Vạn Phú	Vạn Già	Vạn Lương	Vạn Hưng	Xuân Sơn
5.2	Chi công tác kiểm tra tại địa phương (cấp huyện thực hiện): Mức khoán: 500,000 d/lượt/xã x 1 đợt)	Đồng	6.500.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6	Chi viết báo cáo kết quả rà soát	Đồng	4.400.000	500.000	300.000	300.000	300.000	300.000	300.000	300.000	300.000	300.000	300.000	300.000	300.000	300.000	300.000
6.1	Báo cáo tổng hợp cấp xã: mức chi 300.000d/báo cáo	Đồng	3.900.000	0	300.000	300.000	300.000	300.000	300.000	300.000	300.000	300.000	300.000	300.000	300.000	300.000	300.000
6.2	Báo cáo tổng hợp cấp huyện: Mức chi 500.000 d/báo cáo	Đồng	500.000	500.000													
7	Các khoản chi khác liên quan trực tiếp công tác rà soát	Đồng	10.000.000	10.000.000													
-	Văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, tuyên truyền, chi khác	Đồng	10.000.000	10.000.000													
-	Hỗ trợ làm thêm ngoài giờ cho công tác Xây dựng kế hoạch, tạo lập biểu mẫu, biên soạn tài liệu; thống kê tổng hợp, xây dựng Báo cáo kết quả rà soát...	Đồng	0	0													

nghe

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA

Số: 8243/KH-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Khánh Hòa, ngày tháng năm 2023



Ký bởi: Ủy
BAN NHÂN
DÂN TỈNH
KHÁNH HÒA
Email:
ubnd@khanhh
oa.gov.vn
Ngày ký: 16-
08-2023
18:04:58
+07:00

KẾ HOẠCH

Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định thu nhập hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2023 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

Thực hiện Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 (sau đây gọi tắt là *Nghị định 07/2021/NĐ-CP*); Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 (sau đây gọi tắt là *Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg*); Văn bản hợp nhất số 1315/VBHN-BLĐTBXH ngày 13/4/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về Thông tư hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 và mẫu biểu báo cáo; Công văn số 2113/LĐTBXH-VPQGGN ngày 08/6/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc đẩy mạnh thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 và năm 2023 và rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; Quyết định số 3479/QĐ-UBND ngày 18/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo giai đoạn 2021-2025 tỉnh Khánh Hòa (sau đây gọi tắt là *Ban Chỉ đạo*);

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2023 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa (sau đây gọi tắt là *cuộc rà soát*), cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh nhằm xác định, lập danh sách, phân loại chính xác, đầy đủ số liệu, thông tin cơ bản về hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều để có cơ sở xây dựng kế hoạch, giải pháp giảm nghèo và thực hiện các chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội trong năm 2024.

2. Yêu cầu

a) Việc rà soát, xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo phải có sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của cấp ủy, chính quyền, sự tham gia của các cấp hội, đoàn thể và của người dân;

b) Việc rà soát phải thực hiện theo đúng quy trình, hướng dẫn quy định tại Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg; Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH, Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH và đúng tiến độ về thời gian; đảm bảo tính chính xác theo nguyên tắc công khai, minh bạch, công bằng, dân chủ;

c) Lực lượng rà soát viên là người nắm rõ, thông thạo tình hình dân cư tại địa bàn, trực tiếp đến từng hộ gia đình để quan sát, khảo sát, thu thập thông tin của hộ gia đình;

d) Kết quả rà soát phải phản ánh đúng thực tế tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và thực trạng đời sống của nhân dân; tránh tình trạng chạy theo chỉ tiêu, thành tích làm sai lệch thực trạng nghèo của địa phương.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Phạm vi điều chỉnh

Thực hiện tại 136 xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh.

- Khu vực thành thị: Các phường của thị xã, thành phố và các thị trấn của huyện.

- Khu vực nông thôn: Các xã còn lại của huyện, thị xã, thành phố.

2. Đối tượng áp dụng

- Rà soát toàn bộ hộ gia đình nằm trong danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo theo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm 2022 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025, do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn đang quản lý và những hộ có khả năng phát sinh nghèo, cận nghèo tại thời điểm rà soát đang sinh sống tại xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh.

- Các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân tham gia công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình.

III. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Tiêu chí rà soát

1.1 Các tiêu chí đo lường nghèo đa chiều

a) Tiêu chí thu nhập

- Khu vực nông thôn: 1.500.000 đồng/người/tháng.

- Khu vực thành thị: 2.000.000 đồng/người/tháng.

b) Tiêu chí mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản

- Các dịch vụ xã hội cơ bản (06 dịch vụ), gồm: Việc làm, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, thông tin.

- Các chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản (12 chỉ số), gồm: (1) Việc làm, (2) người phụ thuộc trong hộ gia đình, (3) dinh dưỡng, (4) bảo hiểm y tế, (5) trình độ giáo dục của người lớn, (6) tình trạng đi học của trẻ em, (7) chất lượng nhà ở, (8) diện tích nhà ở bình quân đầu người, (9) nguồn nước sinh hoạt, (10) nhà tiêu hợp vệ sinh, (11) sử dụng dịch vụ viễn thông, (12) phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin.

1.2. Chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025

a) Chuẩn hộ nghèo

- Khu vực nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

- Khu vực thành thị: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 2.000.000 đồng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

b) Chuẩn hộ cận nghèo

- Khu vực nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng trở xuống và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

- Khu vực thành thị: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 2.000.000 đồng trở xuống và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

c) Chuẩn hộ có mức sống trung bình

- Khu vực nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 1.500.000 đồng đến 2.250.000 đồng.

- Khu vực thành thị: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.

2. Phương pháp rà soát

a) Phương pháp rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo là phương pháp khảo sát thu thập thông tin của hộ gia đình để ước lượng thu nhập và xác định mức độ thiếu hụt các

dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo, hộ cận nghèo bảo đảm phù hợp với chuẩn nghèo theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 07/2021/NĐ-CP.

b) Phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH, Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH;

c) Phương pháp xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình là phương pháp xác định thu nhập của hộ gia đình trong vòng 12 tháng trước thời điểm rà soát, không tính khoản trợ cấp hoặc trợ giúp xã hội từ ngân sách nhà nước vào thu nhập của hộ gia đình.

d) Rà soát viên trực tiếp đến từng hộ gia đình để thu thập thông tin.

3. Biểu mẫu rà soát

Các biểu mẫu điều tra rà soát được xây dựng trên cơ sở biểu mẫu của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, gồm:

- Mẫu Giấy đề nghị rà soát – Phiếu A1.
- Mẫu Phiếu nhận dạng nhanh hộ gia đình – Phiếu A.
- Mẫu Phiếu Thông tin chung về hộ gia đình – Phiếu B.
- Mẫu Phiếu Khảo sát thông tin về mức thu nhập của hộ gia đình – Phiếu B1;
- Mẫu Phiếu Khảo sát thông tin về các nhu cầu xã hội cơ bản của hộ gia đình – Phiếu B2.
- Mẫu Phiếu khảo sát, xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình.
- Các bảng tổng hợp, phụ lục báo cáo.

4. Quy trình rà soát

Thực hiện theo Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg; Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH và Thông tư 02/2022/TT-BLĐTBXH.

5. Thời gian và tiến độ thực hiện

5.1. Thời gian rà soát: Từ ngày 01/9/2023 đến hết ngày 15/12/2023

5.2. Tiến độ thực hiện:

Stt	Thời gian	Nội dung hoạt động	Cơ quan, đơn vị thực hiện
1	Từ ngày 07/11/2023 đến ngày 15/12/2023	- Tổng hợp, báo cáo kết quả sơ bộ cho Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trước ngày 15/11/2023.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

		- Tổng hợp, báo cáo kết quả chính thức, trình UBND tỉnh báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trước ngày 15/12/2023.	
2	Từ ngày 01/9/2023 đến ngày 10/9/2023	- Ban hành Kế hoạch chi tiết về rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn. - Tổ chức hội nghị triển khai kế hoạch và tập huấn hướng dẫn nghiệp vụ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cho cấp xã và điều tra viên, giám sát viên.	UBND các huyện, thị xã, thành phố
3	Từ ngày 11/9/2023 đến ngày 27/11/2023	- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến; triển khai kế hoạch rà soát về thôn, tổ. - Ban Chỉ đạo cấp xã tiến hành rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo đúng quy định hướng dẫn về phương pháp, quy trình và bộ công cụ rà soát. - Tổng hợp kết quả rà soát sơ bộ và báo cáo Ban chỉ đạo cấp huyện trước ngày 27/10/2023. - Tổng hợp kết quả rà soát chính thức và báo cáo Ban chỉ đạo cấp huyện trước ngày 27/11/2023.	UBND các xã, phường, thị trấn
4	Từ ngày 27/11/2023 đến ngày 07/12/2023	- Thẩm định kết quả rà soát do cấp xã báo cáo. - Tổng hợp, báo cáo kết quả sơ bộ cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trước ngày 07/11/2023; - Tổng hợp, báo cáo kết quả chính thức và các biểu mẫu báo cáo theo quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH và Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trước ngày 07/12/2023.	UBND các huyện, thị xã, thành phố
5	Từ ngày 11/9/2023 đến 15/12/2023	Giám sát quá trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo được Ban Chỉ đạo các cấp phối hợp thực hiện từ khâu lập danh	- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

		sách đối tượng cần rà soát đến việc thực hiện rà soát, công bố, ra quyết định công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn.	- UBND các huyện, thị xã, thành phố; - UBND các xã, phường, thị trấn.
--	--	--	--

6. Kiểm tra, giám sát công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo

- Ban Chỉ đạo cấp tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, giám sát công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2023.

- Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố phân công Ban Chỉ đạo cấp huyện hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, thẩm định kết quả rà soát hộ nghèo của các xã, phường, thị trấn; chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn phân công Ban Chỉ đạo cấp xã, phường, thị trấn hướng dẫn, kiểm tra, giám sát tại cơ sở.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nội dung chi

1.1. Sở Lao động – Thương binh và Xã hội

- + Chi in ấn tài liệu, biểu mẫu rà soát.
- + Chi tập huấn nghiệp vụ rà soát.
- + Chi kiểm tra, giám sát rà soát tại các địa phương.
- + Chi viết báo cáo kết quả rà soát.
- + Chi khác: Văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, làm thêm ngoài giờ...

1.2. Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội

- + Chi tập huấn Ban Chỉ đạo cấp xã, trưởng thôn/tổ dân phố, rà soát viên.
- + Chi tuyên truyền về nội dung, kế hoạch rà soát trên địa bàn cấp huyện.
- + Chi trả công ghi phiếu rà soát, làm sạch và hoàn thiện phiếu, nhập dữ liệu quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo.
- + Chi nghiệm thu và cập nhật thông tin dữ liệu.
- + Chi kiểm tra, giám sát cấp huyện.
- + Chi tổng hợp báo cáo cấp huyện và cấp xã.
- + Chi khác: Văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, làm thêm ngoài giờ...

2. Định mức chi

Thực hiện theo định mức chi của cuộc tổng điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức

sống trung bình theo chuẩn nghèo giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa hằng năm (cụ thể tại bảng Dự toán kinh phí kèm theo Kế hoạch số 9699/KH-UBND ngày 30/9/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa; riêng mục 3, phần B “chỉ tập huấn nghiệp vụ rà soát cho Ban Chỉ đạo cấp xã, trưởng thôn/Tổ trưởng tổ dân phố, rà soát viên”: thanh toán theo chi phí phát sinh thực tế của từng địa phương).

3. Nguồn kinh phí

Kinh phí thực hiện Kế hoạch do ngân sách nhà nước đảm bảo theo phân cấp quản lý ngân sách.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Là cơ quan thường trực tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo cấp tỉnh các nội dung chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2023 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì và phối hợp với các thành viên Ban chỉ đạo cấp tỉnh tổ chức hướng dẫn các địa phương triển khai Kế hoạch rà soát theo quy trình và biểu mẫu đúng quy định; cung cấp tài liệu hướng dẫn cho điều tra viên, giám sát viên các ngành, các cấp tham gia rà soát trên địa bàn toàn tỉnh; in ấn biểu mẫu rà soát cấp phát các địa phương bảo đảm thực hiện đúng tiến độ kế hoạch rà soát.

- Tổ chức tập huấn quy trình và bộ công cụ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình cho cấp huyện.

- Phối hợp cùng với các sở, ban, ngành, địa phương tuyên truyền cho các ngành, các cấp và người dân biết và hiểu về chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025 theo quy định mới của Chính phủ; ý nghĩa, mục đích, yêu cầu của cuộc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2023, hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình.

- Tham mưu Ban chỉ đạo cấp tỉnh xây dựng kế hoạch kiểm tra, phúc tra, giám sát kết quả rà soát.

- Tham mưu chỉ đạo các địa phương cập nhật kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo vào các file dữ liệu quản lý ..., tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong việc rà soát, quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có mức sống trung bình trên địa bàn.

- Trình UBND tỉnh phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2023 báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội theo thời gian quy định.

2. Sở Tài chính

Trên cơ sở dự toán kinh phí thực hiện Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ có mức sống trung bình theo chuẩn nghèo năm 2023, Sở Tài chính hướng dẫn, cân đối sử dụng dự toán đã giao năm 2023 trong lĩnh vực chi của các cơ quan, đơn vị.

3. Cục Thống kê

Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trong quá trình kiểm tra, giám sát, tổng hợp kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo của các huyện, thị xã, thành phố về số hộ dân cư, số nhân khẩu trên địa bàn.

4. Sở Thông tin và Truyền thông

Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các cơ quan liên quan hướng dẫn các cơ quan báo chí của tỉnh, Cổng Thông tin điện tử tỉnh, hệ thống thông tin cơ sở đẩy mạnh công tác tuyên truyền về công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2023.

Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trong việc xây dựng, triển khai thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong rà soát, quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có mức sống trung bình trên địa bàn tỉnh.

5. Sở Y tế

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trong việc hướng dẫn các địa phương tổng hợp, báo cáo về hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình.

6. Công an tỉnh

a) Chỉ đạo cơ quan công an cấp huyện phối hợp với ngành Lao động - Thương binh và Xã hội cung cấp các thông tin, số liệu liên quan đến số hộ dân cư, số nhân khẩu của các địa phương tại thời điểm rà soát để làm cơ sở tính tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo và phục vụ xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu sau rà soát.

b) Phối hợp, hỗ trợ xác thực thông tin hộ gia đình được rà soát với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để đảm bảo thông tin thu thập, rà soát được chính xác, đầy đủ trước khi trình cấp thẩm quyền phê duyệt, công bố.

7. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Xây dựng; Ban Dân tộc tỉnh; Bảo hiểm xã hội Khánh Hòa; Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội Khánh Hòa

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ động phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp tình hình tỷ lệ hộ nghèo của các xã phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

- Sở Xây dựng chủ động phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để khảo sát, tổng hợp nhu cầu hỗ trợ nhà ở của hộ nghèo.

- Ban Dân tộc tỉnh chủ động phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp số liệu và danh sách đồng bào dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo và số liệu phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Bảo hiểm xã hội tỉnh hỗ trợ cung cấp thông tin về chính sách bảo hiểm y tế đối với các thành viên hộ gia đình được rà soát khi có yêu cầu; chủ động phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn các địa phương triển khai lập danh sách BHYT khi đã có kết quả điều tra.

- Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh chủ động phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để kết hợp khảo sát, tổng hợp nhu cầu vay vốn và hỗ trợ vốn vay cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

8. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

a) Chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các thành viên Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia (hoặc Ban chỉ đạo giảm nghèo cấp huyện), các phòng, ban liên quan và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (Ủy ban nhân dân cấp xã):

- Xây dựng và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2023 trên địa bàn;

- Tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho các điều tra viên, giám sát viên;

- Tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn;

- Phối hợp với các thành viên Ban chỉ đạo, cơ quan liên quan giám sát việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn;

- Tổ chức thẩm định kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo của cấp xã gửi lên; trường hợp thấy kết quả rà soát chưa phản ánh đúng với tình hình thực tế của địa phương hoặc khi có đơn thư khiếu nại... thì tổ chức phúc tra lại trước khi tham mưu UBND cấp huyện phê duyệt kết quả;

- Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2023. Sau đó thông báo cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã công nhận; tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo sơ bộ, chính thức kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2023 cho Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội theo đúng thời gian quy định.

b) Chỉ đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì, phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng dự toán kinh phí hỗ trợ việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trình Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định.

9. Đài Phát thanh và Truyền hình Khánh Hòa, Báo Khánh Hòa và các cơ quan thông tin báo chí trên địa bàn tỉnh

Phối hợp với Sở Lao động-Thương binh và Xã hội đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về vai trò trách nhiệm của các cấp ủy, chính quyền và của người dân về tầm quan trọng, mục đích ý nghĩa của công tác điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình năm 2023 trên địa bàn tỉnh.

10. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể cấp tỉnh

Tham gia phối hợp tuyên truyền về Kế hoạch này; đồng thời tổ chức kiểm tra, giám sát và chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể các cấp thực hiện giám sát công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, các định hộ làm nông, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2023 trên địa bàn tỉnh.

VII. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

1. Căn cứ nội dung tại Kế hoạch này, Sở Lao động-Thương binh và Xã hội, các sở, ban ngành liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình khẩn trương triển khai các nội dung liên quan và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

2. Ban chỉ đạo cấp huyện gửi báo cáo nhanh kết quả việc thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2023 trên địa bàn về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội **trước ngày 07/11/2023**; báo cáo chính thức **trước ngày 07/12/2023**.

3. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm đôn đốc và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình, triển khai thực hiện Kế hoạch này, tổng hợp báo cáo kết quả về Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội **trước ngày 15/12/2023**.

Trên đây là Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định thu nhập hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2023 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, phát sinh, các đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (Cơ

quan thường trực Ban Chỉ đạo cấp tỉnh) để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, hướng dẫn giải quyết./.

Nơi nhận:

- VP QGNN - Bộ LĐTBXH (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (báo cáo);
- Các thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Bảo hiểm xã hội tỉnh;
- UBND cấp huyện, thị xã, thành phố;
- Đài PTTH Khánh Hòa, Báo Khánh Hòa;
- Lưu: VT, TmN, NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đình Văn Thiệu



KẾ HOẠCH

**Triển khai rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định thu nhập
hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp
có mức sống trung bình năm 2023 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa**

Thực hiện Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 (sau đây gọi tắt là *Nghị định 07/2021/NĐ-CP*); Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 (sau đây gọi tắt là *Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg*); Văn bản hợp nhất số 1315/VBHN-BLĐTBXH ngày 13/4/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về Thông tư hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 và mẫu biểu báo cáo;

Công văn số 2113/LĐTBXH-VPQGGN ngày 08/6/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc đẩy mạnh thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 và năm 2023 và rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo;

Quyết định số 3479/QĐ-UBND ngày 18/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo giai đoạn 2021-2025 tỉnh Khánh Hòa (sau đây gọi tắt là *Ban Chỉ đạo*);

Căn cứ Kế hoạch số 8273/KH-UBND ngày 16/8/2023 của UBND tỉnh Khánh Hòa rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2023 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Sở Lao động – Thương binh và Xã hội xây dựng Kế hoạch triển khai rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2023 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa (sau đây gọi tắt là *cuộc rà soát*), cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh nhằm xác định, lập danh sách, phân loại chính xác, đầy đủ số liệu, thông tin cơ bản về hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều để có cơ sở xây dựng kế hoạch, giải pháp giảm nghèo và thực hiện các chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội trong năm 2024.

2. Yêu cầu

a) Việc rà soát, xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo phải có sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của cấp ủy, chính quyền, sự tham gia của các cấp hội, đoàn thể và của người dân;

b) Việc rà soát phải thực hiện theo đúng quy trình, hướng dẫn quy định tại Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg; Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH, Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH và đúng tiến độ về thời gian; đảm bảo tính chính xác theo nguyên tắc công khai, minh bạch, công bằng, dân chủ;

c) Lực lượng rà soát viên là người nắm rõ, thông thạo tình hình dân cư tại địa bàn, trực tiếp đến từng hộ gia đình để quan sát, khảo sát, thu thập thông tin của hộ gia đình;

d) Kết quả rà soát phải phản ánh đúng thực tế tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và thực trạng đời sống của nhân dân; tránh tình trạng chạy theo chỉ tiêu, thành tích làm sai lệch thực trạng nghèo của địa phương.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Phạm vi điều chỉnh

Thực hiện tại 136 xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh.

- Khu vực thành thị: Các phường của thị xã, thành phố và các thị trấn của huyện.

- Khu vực nông thôn: Các xã còn lại của huyện, thị xã, thành phố.

2. Đối tượng áp dụng

- Rà soát toàn bộ hộ gia đình nằm trong danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo theo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm 2022 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025, do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn đang quản lý và những hộ có khả năng phát sinh nghèo, cận nghèo tại thời điểm rà soát đang sinh sống tại xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh.

- Các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân tham gia công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình.

III. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Tiêu chí rà soát

1.1 Các tiêu chí đo lường nghèo đa chiều

a) Tiêu chí thu nhập

- Khu vực nông thôn: 1.500.000 đồng/người/tháng.
- Khu vực thành thị: 2.000.000 đồng/người/tháng.

b) Tiêu chí mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản

- Các dịch vụ xã hội cơ bản (06 dịch vụ), gồm: Việc làm, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, thông tin.

- Các chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản (12 chỉ số), gồm: (1) Việc làm, (2) người phụ thuộc trong hộ gia đình, (3) dinh dưỡng, (4) bảo hiểm y tế, (5) trình độ giáo dục của người lớn, (6) tình trạng đi học của trẻ em, (7) chất lượng nhà ở, (8) diện tích nhà ở bình quân đầu người, (9) nguồn nước sinh hoạt, (10) nhà tiêu hợp vệ sinh, (11) sử dụng dịch vụ viễn thông, (12) phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin.

1.2. Chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025

a) Chuẩn hộ nghèo

- Khu vực nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

- Khu vực thành thị: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 2.000.000 đồng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

b) Chuẩn hộ cận nghèo

- Khu vực nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng trở xuống và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

- Khu vực thành thị: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 2.000.000 đồng trở xuống và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

c) Chuẩn hộ có mức sống trung bình

- Khu vực nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 1.500.000 đồng đến 2.250.000 đồng.

- Khu vực thành thị: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.

2. Phương pháp rà soát

a) Phương pháp rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo là phương pháp khảo sát thu thập thông tin của hộ gia đình để ước lượng thu nhập và xác định mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo, hộ cận nghèo bảo đảm phù hợp với chuẩn nghèo theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 07/2021/NĐ-CP.

b) Phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH, Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH;

c) Phương pháp xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình là phương pháp xác định thu nhập của hộ gia đình trong vòng 12 tháng trước thời điểm rà soát, không tính khoản trợ cấp hoặc trợ giúp xã hội từ ngân sách nhà nước vào thu nhập của hộ gia đình.

d) Rà soát viên trực tiếp đến từng hộ gia đình để thu thập thông tin.

3. Biểu mẫu rà soát

Các biểu mẫu điều tra rà soát được xây dựng trên cơ sở biểu mẫu của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, gồm:

- Mẫu Giấy đề nghị rà soát – Phiếu A1.
- Mẫu Phiếu nhận dạng nhanh hộ gia đình – Phiếu A.
- Mẫu Phiếu Thông tin chung về hộ gia đình – Phiếu B.
- Mẫu Phiếu Khảo sát thông tin về mức thu nhập của hộ gia đình – Phiếu B1;
- Mẫu Phiếu Khảo sát thông tin về các nhu cầu xã hội cơ bản của hộ gia đình – Phiếu B2.
- Mẫu Phiếu khảo sát, xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình.
- Các bảng tổng hợp, phụ lục báo cáo.

(Đính kèm Phụ lục 1. Các biểu mẫu, phiếu rà soát)

4. Quy trình rà soát

Thực hiện theo Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg; Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH và Thông tư 02/2022/TT-BLĐTBXH.

(Đính kèm Phụ lục 2 Quy trình phân loại sau rà soát)

5. Thời gian và tiến độ thực hiện

5.1. Thời gian rà soát: Từ ngày 01/9/2023 đến hết ngày 15/12/2023

5.2. Tiến độ thực hiện:

Stt	Thời gian	Nội dung hoạt động	Cơ quan, đơn vị thực hiện
1	Từ ngày 07/11/2023 đến ngày 15/12/2023	- Tổng hợp, báo cáo kết quả sơ bộ cho Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trước ngày 15/11/2023. - Tổng hợp, báo cáo kết quả chính thức, trình UBND tỉnh báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trước ngày 15/12/2023.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
2	Từ ngày 01/9/2023 đến ngày 10/9/2023	- Ban hành Kế hoạch chi tiết về rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn. - Tổ chức hội nghị triển khai kế hoạch và tập huấn hướng dẫn nghiệp vụ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cho cấp xã và điều tra viên, giám sát viên.	UBND các huyện, thị xã, thành phố
3	Từ ngày 11/9/2023 đến ngày 27/11/2023	- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến; triển khai kế hoạch rà soát về thôn, tổ. - Ban Chỉ đạo cấp xã tiến hành rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo đúng quy định hướng dẫn về phương pháp, quy trình và bộ công cụ rà soát. - Tổng hợp kết quả rà soát sơ bộ và báo cáo Ban chỉ đạo cấp huyện trước ngày 27/10/2023. - Tổng hợp kết quả rà soát chính thức và báo cáo Ban chỉ đạo cấp huyện trước ngày 27/11/2023.	UBND các xã, phường, thị trấn
4	Từ ngày 27/11/2023 đến ngày 07/12/2023	- Thẩm định kết quả rà soát do cấp xã báo cáo. - Tổng hợp, báo cáo kết quả sơ bộ cho Sở Lao động - Thương binh và	UBND các huyện, thị xã, thành phố

		Xã hội trước ngày 07/11/2023 ; - Tổng hợp, báo cáo kết quả chính thức và các biểu mẫu báo cáo theo quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH và Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trước ngày 07/12/2023 .	
5	Từ ngày 11/9/2023 đến 15/12/2023	Giám sát quá trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo được Ban Chỉ đạo các cấp phối hợp thực hiện từ khâu lập danh sách đối tượng cần rà soát đến việc thực hiện rà soát, công bố, ra quyết định công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn.	- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội - UBND các huyện, thị xã, thành phố; - UBND các xã, phường, thị trấn.

(Đính kèm Phụ lục 3: Hệ thống biểu mẫu tổng hợp báo cáo)

2. Kiểm tra, giám sát công tác rà soát

- Kiểm tra, giám sát công tác chỉ đạo, tuyên truyền, ghi phiếu rà soát tại 8 huyện, thị xã, thành phố, từ ngày 18/10/2023 đến ngày 31/10/2023. Thời gian làm việc: 01 ngày/địa phương.

- Kiểm tra, giám sát công tác nghiệm thu phiếu tại 8 huyện, thị xã, thành phố, từ ngày 15/11/2023 đến ngày 30/11/2023. Thời gian làm việc: 01 ngày/địa phương.

(Lịch kiểm tra, giám sát có thể thay đổi tùy tình hình công tác thực tế)

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Thực hiện theo quy định tại Kế hoạch số 9699/KH-UBND ngày 30/9/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa về Tổng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình theo chuẩn nghèo giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa năm 2021 và Kế hoạch số 8273/KH-UBND ngày 16/8/2023 của UBND tỉnh Khánh Hòa rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2023 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

- Nguồn kinh phí: Dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2023.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Lao động – Thương binh và Xã hội

1.1. Phòng Bảo trợ xã hội – Trẻ em – Bình đẳng giới

- Tham mưu triển khai thực hiện công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2023.

- Phối hợp với Phòng Kế hoạch – Tài chính và các phòng, đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện cuộc tổng rà soát đạt kết quả.

1.2. Phòng Kế hoạch – Tài chính

Phối hợp với Phòng Bảo trợ xã hội – Trẻ em – Bình đẳng giới tham mưu cân đối nguồn kinh phí và hướng dẫn các thủ tục thanh quyết toán cuộc rà soát theo quy định.

2. UBND các huyện, thị xã, thành phố

a) Chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các thành viên Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia (hoặc Ban chỉ đạo giảm nghèo cấp huyện), các phòng, ban liên quan và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (Ủy ban nhân dân cấp xã):

- Xây dựng và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2023 trên địa bàn;

- Tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho các điều tra viên, giám sát viên;

- Tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn;

- Phối hợp với các thành viên Ban chỉ đạo, cơ quan liên quan giám sát việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn;

- Tổ chức thẩm định kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo của cấp xã gửi lên; trường hợp thấy kết quả rà soát chưa phản ánh đúng với tình hình thực tế của địa phương hoặc khi có đơn thư khiếu nại... thì tổ chức phúc tra lại trước khi tham mưu UBND cấp huyện phê duyệt kết quả;

- Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2023. Sau đó thông báo cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã công nhận; tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo sơ bộ, chính thức kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2023 cho Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội theo đúng thời gian quy định.

b) Chỉ đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì, phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng dự toán kinh phí hỗ trợ việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trình Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định.

Trên đây là Kế hoạch triển khai rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa năm 2023, đề nghị các phòng và đơn vị liên quan phối hợp tổ chức triển khai thực hiện đạt kết quả./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Sở;
 - UBND các huyện, thị xã, TP;
 - Phòng LĐ-TBXH huyện, thị xã, TP;
 - Lưu: VT, KH-TC, BTXHTEBĐG.
- } (VBĐT)

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Thành Sơn

**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **2752** /LĐTBXH-VPQGGN
V/v rà soát và gửi dữ liệu hộ nghèo, hộ
cận nghèo định kỳ năm 2023

Hà Nội, ngày 19 tháng 7 năm 2023

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Tiếp theo Công văn số 2113/LĐTBXH-VPQGGN ngày 08/6/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc đẩy mạnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 năm 2023 và rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; trong thời gian hoàn thiện hệ thống phần mềm rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ năm 2023, cụ thể như sau:

1. Căn cứ Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 xây dựng kế hoạch, tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ năm 2023 và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn đảm bảo đúng quy trình quy định, công khai, minh bạch. Trong đó, tập trung vào các nhiệm vụ sau:

- Phổ biến, tuyên truyền mục đích, ý nghĩa, yêu cầu của công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm trên các phương tiện truyền thông.

- Tổ chức tập huấn quy trình và bộ công cụ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác rà soát, xác định, quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn.

2. Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2023 gửi về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trước ngày 20 tháng 12 năm 2023 theo đúng mẫu biểu quy định và gửi danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu về giảm nghèo và kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo phụ lục kèm theo. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Nguyễn Bá Hoan;
- Sở LĐTB&XH các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Lưu: VT, VPQGGN.



Trường hợp có khó khăn, vướng mắc, đề nghị liên hệ với Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo, số điện thoại: 02437478677 hoặc 0945401111.

Phụ lục
Hướng dẫn lập danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2023
phục vụ kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư
(Kèm theo Công văn số 2752/LĐTBXH-VPQGGN ngày 19/7/2023 của
Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

I. MẪU THU THẬP DỮ LIỆU HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO

ST T	ST T Hộ	Họ và tên Chủ hộ	Họ và tên thành viên	Quan hệ với Chủ hộ	Ngày, tháng năm sinh (dd/mm /yyyy)	Giới tính	Số CCCD/ Mã ĐDCN	Tỉnh/ Thành phố	Huyện/ Quận/ thị xã	Xã/ Phường/ thị trấn	Thôn, bản, tổ dân phố	Dân tộc	Phân loại hộ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	1												
2													
3													
4	2												
5													

II. HƯỚNG DẪN CÁCH THU THẬP DỮ LIỆU HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO

1. Một số thông tin chung

- Thông tin dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo và các mã tương ứng được quy định tại Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025 và mẫu biểu báo cáo; Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH.

- Thông tin về hộ nghèo, hộ cận nghèo lập theo mẫu trên, **không thêm, bớt cột**.

- Tất cả hộ nghèo, hộ cận nghèo và thành viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn phải được thu thập dữ liệu và tập trung **trong 1 biểu**; mỗi huyện, quận, thị xã thuộc tỉnh, thành phố lập **một sheet trong 1 file riêng**. Không tách từng file hoặc từng sheet riêng đối với xã, phường, thị trấn, thôn, bản, tổ dân phố.

- Định dạng dữ liệu điện tử: file văn bản excel (File lưu: Tênhuyện.xlsx). Ví dụ: quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng ghi là: camle.xlsx

- Kiểu chữ: Times new roman.

- Cỡ chữ: 10.

- Trong bảng excel không gộp các ô bằng lệnh Merge & Center. Không đặt công thức trong các ô excel. Không ẩn hàng, ẩn cột.

- Dữ liệu danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo phải liên mạch; không có dòng trống, không chèn thêm dòng ghi các thông tin khác ngoài thông tin của thành viên hộ nghèo, hộ cận nghèo. Ví dụ: không chèn thêm dòng ghi danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo huyện...; không chèn thêm dòng ghi tên thôn, bản, xã, huyện, tỉnh (địa danh tỉnh, huyện, xã, thôn, bản đã được thể hiện tại các cột 9, 10, 11, 12); không chèn thêm dòng tổng số hộ, tổng số khẩu (đã được thể hiện ở cột 1, cột 2).

2. Hướng dẫn cách điền dữ liệu

Cột (1). Đánh số thứ tự người từ 1 đến hết. Ví dụ: huyện C, tỉnh D có số người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo là 45.000 người, cột 1 đánh số thứ tự từ 1 đến 45.000.

Cột (2). Đánh số thứ tự hộ từ 1 đến hết. Ví dụ: huyện A, tỉnh B có số hộ nghèo, hộ cận nghèo là 15.015 hộ, cột 2 đánh số thứ tự từ 1 đến 15.015.

Cột (3). Họ và tên chủ hộ. Ghi đầy đủ họ và tên chủ hộ theo căn cước công dân hoặc mã định danh cá nhân của chủ hộ. Lưu ý: ghi đầy đủ tên chủ hộ đối với các dòng tương ứng có thành viên thuộc hộ gia đình. Ví dụ: Hộ ông Nguyễn Văn A có 4 thành viên ghi như sau:

STT Hộ	ST T	Họ và tên Chủ hộ	Họ và tên thành viên	Quan hệ với Chủ hộ	Ngày, tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)	Giới tính	Số CCCD /Mã ĐDCN	Tỉnh/ Thành phố	Huyện/ Quận/ thị xã	Xã/ Phường/ thị trấn	Thôn, bản, tổ dân phố	Dân tộc	Phân loại hộ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	1	Nguyễn Văn A	Nguyễn Văn A										
	2	Nguyễn Văn A	Phạm Thị N										
	3	Nguyễn Văn A	Nguyễn M										
	4	Nguyễn Văn A	Nguyễn Văn Z										

Cột (4). Họ và tên thành viên. Ghi đầy đủ họ và tên thành viên hộ theo căn cước công dân hoặc mã định danh cá nhân của thành viên hộ, bao gồm cả tên chủ hộ.

Cột (5). Quan hệ với chủ hộ:

Chỉ được điền bằng mã, cụ thể:

- Chủ hộ: ghi mã 1.
- Vợ/chồng chủ hộ: ghi mã 2.
- Con (bao gồm con đẻ, con dâu, con rể, con nuôi): ghi mã 3.
- Bố/mẹ (bao gồm bố mẹ đẻ, bố mẹ vợ, bố mẹ chồng, bố mẹ nuôi): ghi mã 4.
- Khác (bao gồm: ông, bà, cô, dì, chú, bác, cháu, anh, chị, em, cháu..): ghi mã 5.

Cột (6). Ngày, tháng, năm sinh. Ghi dạng (dd/mm/yyyy), ví dụ: ngày 20 tháng 5 năm 1988 ghi là **20/05/1988**. Trường hợp không có ngày, tháng sinh thì ghi ngày 01 tháng 01. Ví dụ: 01/01/1943.

Lưu ý: Không thay đổi định dạng như: 20.05.1988 hoặc 20-05-1988 hoặc 20/5/1988.

Cột (7). Giới tính: **Chỉ được điền bằng mã**, cụ thể:

- Nam ghi 1.

- Nữ ghi 2.

Cột (8). Số CCCD/mã ĐDCN: ghi theo số căn cước công dân và mã định danh cá nhân của thành viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo. **Dùng dấu (‘)** trước chữ số căn cước công dân và mã định danh cá nhân.

Cột (9). Tỉnh/thành phố. Chỉ ghi tên tỉnh, thành phố. Ví dụ: thành phố Đà Nẵng ghi là **Đà Nẵng**, không ghi là TP Đà Nẵng hoặc thành phố Đà Nẵng. Không ghi mã tỉnh/thành phố.

Cột (10). Huyện/quận/thị xã. Chỉ ghi tên quận, huyện, thị xã. Ví dụ: quận Cẩm Lệ ghi là **Cẩm Lệ**, không ghi là: Quận Cẩm Lệ; Q. Cẩm Lệ; Q Cẩm Lệ; CL; quận CL. Không ghi mã Huyện/quận/thị xã.

Cột (11). Xã/phường/thị trấn: chỉ ghi tên xã, phường, thị trấn. Ví dụ. Xã An Đông, ghi là: **An Đông**, không ghi là: xã An Đông; x. An Đông; x An Đông hoặc AĐ. Trường hợp vừa có xã, vừa có thị trấn trùng tên thì ghi đầy đủ tên thị trấn, ví dụ: **thị trấn An Đông**. Không ghi mã Xã/phường/thị trấn.

Cột (12). Thôn/bản/tổ dân phố. Chỉ ghi thôn, bản, tổ dân phố, xóm, ấp. Ví dụ: ấp Tân Thới ghi là **Tân Thới**. Không ghi là ấp Tân Thới hoặc TTh. Không ghi mã Thôn/bản/tổ dân phố.

Cột (13). Dân tộc. **Ghi tên dân tộc theo bảng mã** của tổng cục Thống kê. Đối với các mã từ 01 đến 09, bỏ số 0, ghi từ 1, 2, 3,..., 9. Ví dụ: Kinh ghi mã 1. Tày ghi mã 2. Thái ghi mã 3. Hoa ghi mã 4. Khơ Me ghi mã 5. Mường ghi mã 6. Nùng ghi mã 7. Hmông ghi mã 8. Dao ghi mã 9.

Lưu ý: ghi đúng mã dân tộc, kể cả các tên gọi khác. Ví dụ: Thổ thuộc dân tộc Tày, ghi mã 2. Cao Lan, Sán Chỉ thuộc dân tộc Sán Chay, ghi mã 15.

Cột (14). Phân loại hộ

Chỉ được điền bằng mã, cụ thể:

- Hộ nghèo: ghi mã 1. Không ghi là: hộ nghèo; HN hoặc N.

- Hộ cận nghèo: ghi mã 2. Không ghi là: hộ cận nghèo; HCN hoặc CN.

Lưu ý: tất cả các thành viên trong hộ gia đình đều phải phân loại hộ.

Ví dụ: mẫu danh sách thông tin hộ nghèo, hộ cận nghèo

STT	STT Hộ	Họ và tên Chủ hộ	Họ và tên thành viên	Quan hệ với Chủ hộ	Ngày, tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)	Giới tính	Số CCCD/ Mã DDCN	Tỉnh/ Thành phố	Huyện/ Quận/ thị xã	Xã/ Phường/ thị trấn	Thôn/bản/ tổ dân phố	Dân tộc	Phân loại hộ
1	1	Sùng Thị Niễn	Sùng Thị Niễn	1	11/12/1981	2	010096003301	Lào Cai	Bắc Hà	Tà Chải	Nậm Cáy	8	1
2		Sùng Thị Niễn	Vàng Văn Vương	2	05/10/1981	1	010195007092	Lào Cai	Bắc Hà	Tà Chải	Nậm Cáy	8	1
3		Sùng Thị Niễn	Vàng Thị Hiêng	3	16/07/2009	2	010216007423	Lào Cai	Bắc Hà	Tà Chải	Nậm Cáy	8	1
4	2	Liều Văn Dương	Liều Văn Dương	1	01/01/1942	1	0102215005074	Lào Cai	Bắc Hà	Tà Chải	Nậm Cáy	9	1
5		Liều Văn Dương	Vàng Thị Phương	2	09/11/1947	2	010062002375	Lào Cai	Bắc Hà	Tà Chải	Nậm Cáy	9	1
6	3	Vàng Văn Liêng	Vàng Văn Liêng	1	11/12/1965	1	010163002856	Lào Cai	Bắc Hà	Tà Chải	Nậm Cáy	8	2
7		Vàng Văn Liêng	Liều Thị Lường	5	15/10/2010	2	010188006527	Lào Cai	Bắc Hà	Tà Chải	Nậm Cáy	8	2
8		Vàng Văn Liêng	Vàng Văn Niêng	5	18/10/2012	1	010096003308	Lào Cai	Bắc Hà	Tà Chải	Nậm Cáy	8	2

UBND HUYỆN VẠN NINH
PHÒNG TÀI CHÍNH – KH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 741 /TCKH

Vạn Ninh, ngày 23 tháng 8 năm 2023

V/v cho ý kiến về kinh phí thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định thu nhập hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2023 trên địa bàn huyện Vạn Ninh

Kính gửi: Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội huyện Vạn Ninh.

Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện nhận được Công văn số 497/LĐTBXH ngày 22/8/2023 của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội huyện về việc đề nghị cho ý kiến về kinh phí thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định thu nhập hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2023 trên địa bàn huyện Vạn Ninh;

Về nội dung này, Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện có ý kiến như sau:

- Về thông tin số lượng các loại hộ (hộ nghèo, hộ cận nghèo tính đến 20/8/2023), dự kiến số hộ có giấy đề nghị rà soát, số lượng phiếu dự kiến phục vụ nhiệm vụ rà soát: Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội huyện chịu trách nhiệm về số lượng trên và thực hiện thanh, quyết toán theo số lượng thực tế phát sinh.

- Về dự kiến tổng nhu cầu kinh phí thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định thu nhập hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2023 trên địa bàn huyện Vạn Ninh: Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện cân đối lại theo dựa theo tiềm lực nguồn kinh phí ngân sách huyện năm 2023: **156.953.600 đồng** (Chi tiết theo Biểu đính kèm).

Trên đây là góp ý của Phòng Tài chính – Kế hoạch, đề nghị đơn vị tổng hợp./.

Nơi nhận: (VBĐT)

- Như trên;
- UBND huyện (b/c);
- Lưu: VT.

TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Phương Phai

